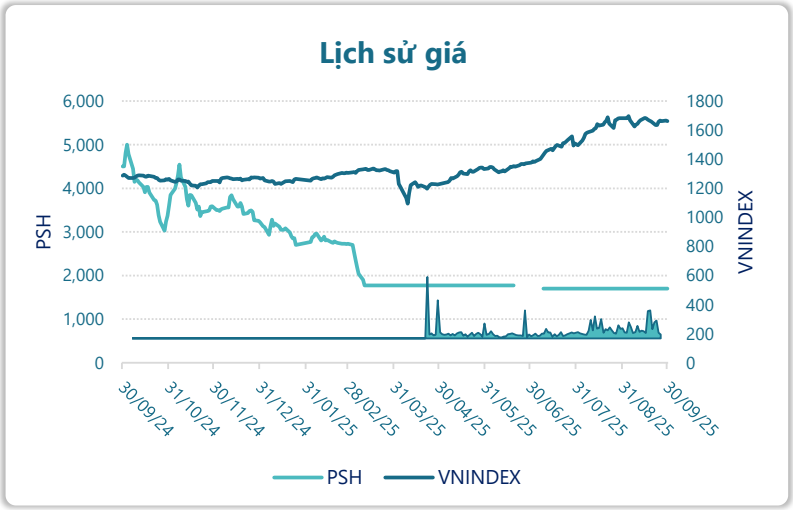
FireAnt

CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu (UPCOM: PSH)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**1,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	126,169,780
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	214
P/E	-0.3
EPS	-5,533

DT thuần

Q3/25

0

tỷ VNĐ

YoY: ▼93.7| -100%

LN sau thuế

Q3/25

-151

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.00| 4.5%

YoY: ▲ 32.0| 17.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

#VALUE!

#VALUE!

DT thuần

9T 2025

15.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼604| -97.5%

LN sau thuế

9T 2025

-473

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 83.0| 15.0%

ROE

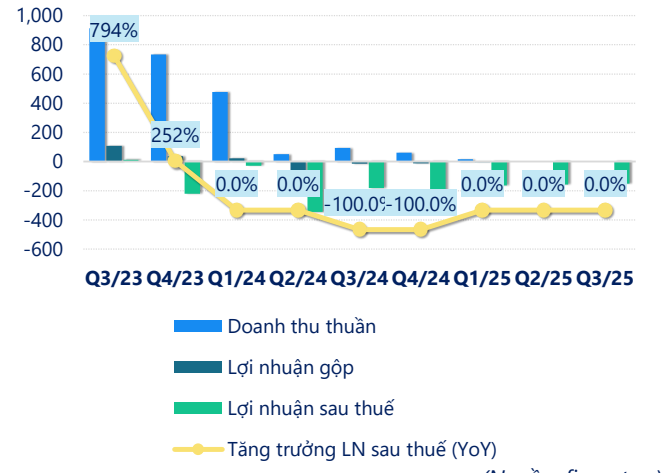
Q3/25

-102%

+/- YoY: ▼ 49.1%

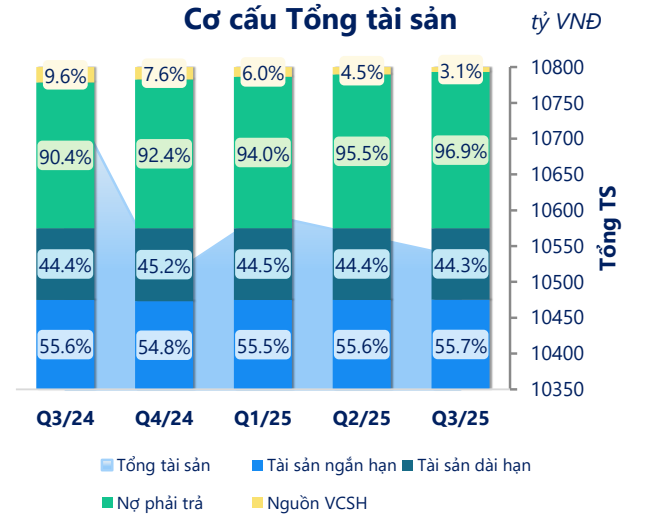
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



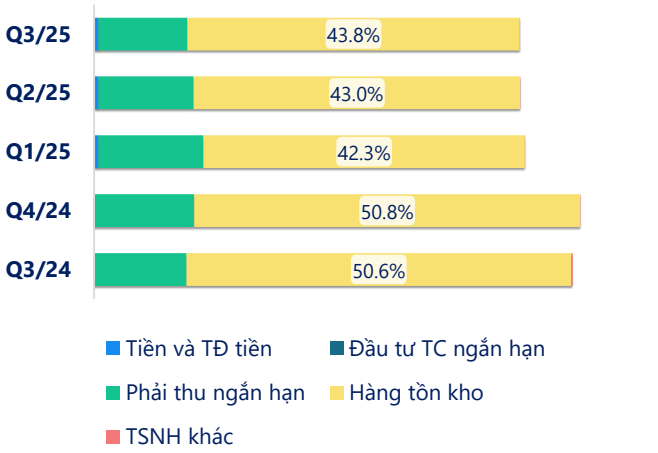
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



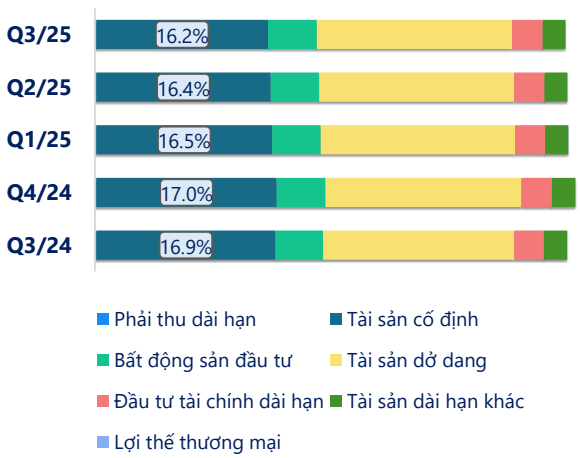
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



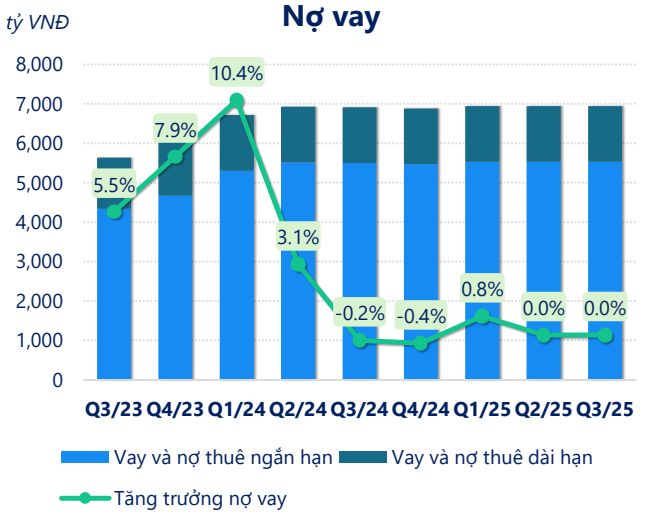
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



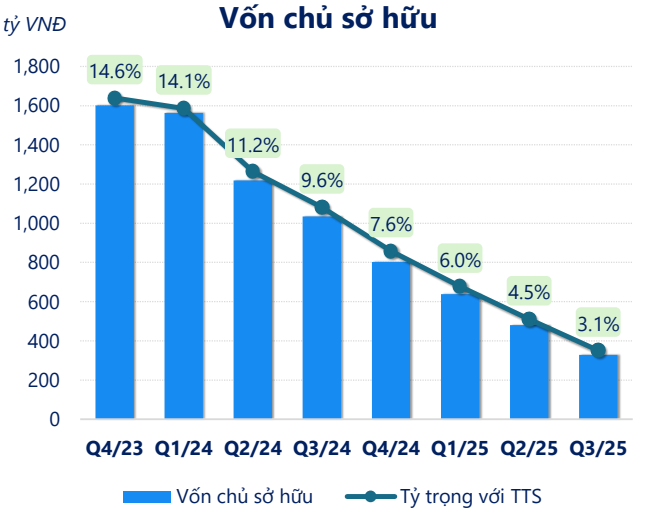
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



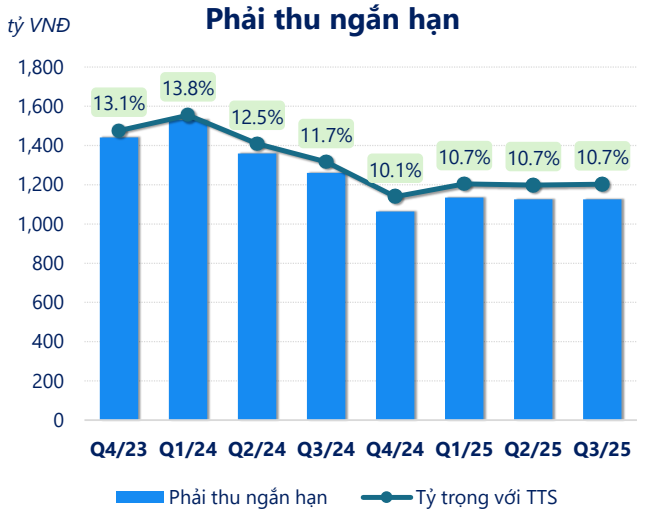
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



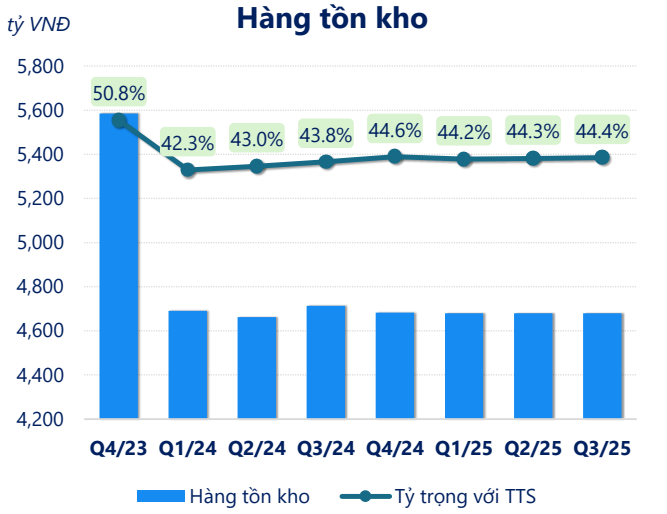
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



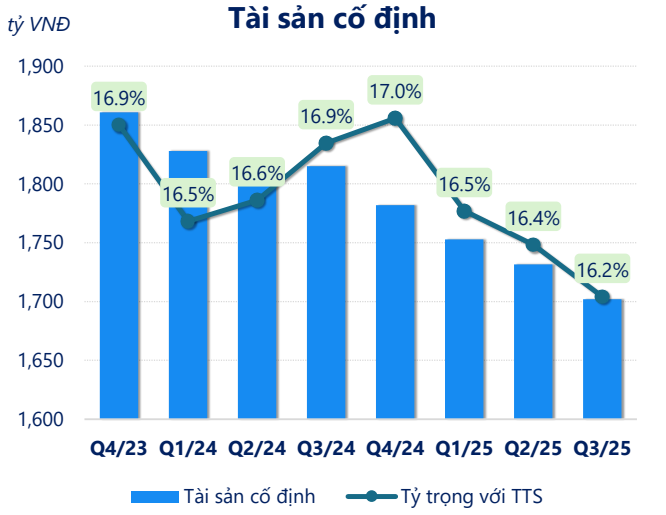
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



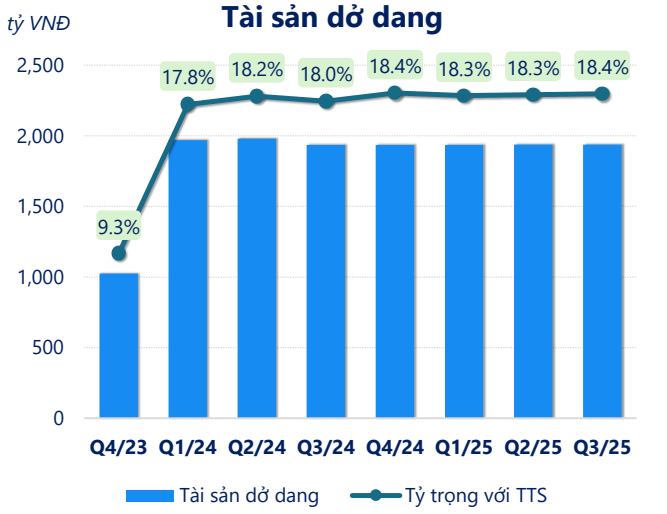
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



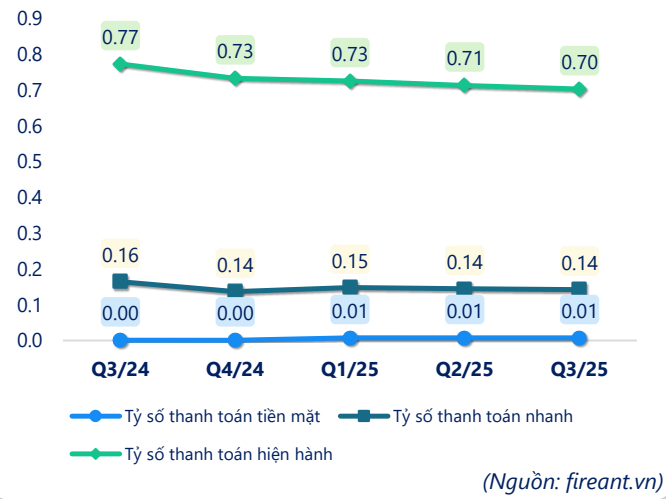
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



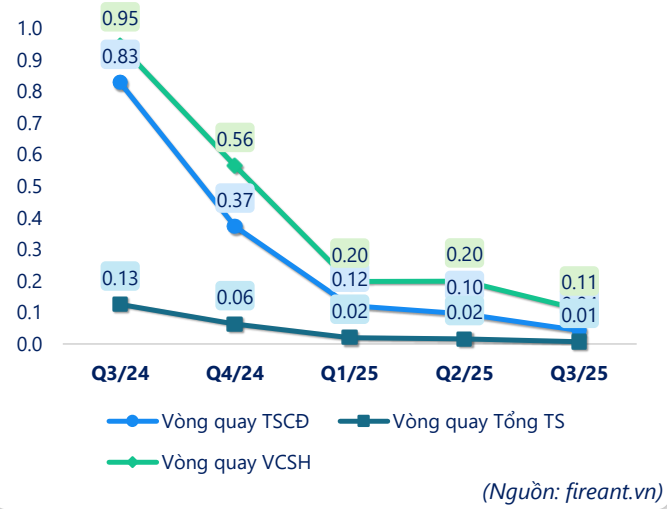
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**10,770**	**10,504**	**10,595**	**10,565**	**10,534**
Tài sản ngắn hạn	**5,986**	**5,755**	**5,878**	**5,870**	**5,870**
Tiền và tương đương tiền	6.04	5.23	60.6	60.8	60.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Phải thu ngắn hạn	1,260	1,064	1,134	1,126	1,126
Hàng tồn kho	4,713	4,682	4,680	4,680	4,680
Tài sản ngắn hạn khác	6.47	3.65	3.40	3.61	3.61
Tài sản dài hạn	**4,785**	**4,749**	**4,717**	**4,694**	**4,664**
Phải thu dài hạn	13.2	13.3	13.3	13.3	13.3
Tài sản cố định	1,815	1,782	1,753	1,732	1,702
Bất động sản đầu tư	482	482	482	482	482
Tài sản dở dang	1,935	1,935	1,936	1,936	1,936
Đầu tư tài chính dài hạn	303	303	302	302	302
Tài sản dài hạn khác	234	232	230	228	228
Lợi thế thương mại	2.57	2.14	1.71	1.29	0.86
Nợ phải trả	**9,735**	**9,702**	**9,957**	**10,085**	**10,206**
Nợ ngắn hạn	**7,746**	**7,851**	**8,105**	**8,233**	**8,354**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,497	5,471	5,528	5,528	5,528
Phải trả người bán ngắn hạn	22.0	53.2	53.5	54.8	54.8
Nợ dài hạn	1,990	1,851	1,852	1,852	1,852
Vay và nợ thuê dài hạn	1,413	1,413	1,413	1,413	1,413
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,035**	**802**	**638**	**480**	**329**
Vốn chủ sở hữu	**1,035**	**802**	**638**	**480**	**329**
Vốn điều lệ	1,262	1,262	1,262	1,262	1,262
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)